

Hướng dẫn soạn Unit 3 lớp 7 Community service SBT tập 1 sách mới ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và hỗ trợ các em ôn luyện thêm kiến thức. Mời các em và thầy cô tham khảo.

Giải Tiếng Anh 7 SBT Phonetics trang 17 sách mới

1. Look the pictures...

(Nhìn vào những bức hình và hoàn thành từ. Đọc lớn chúng.)

a. clothes (quần áo)	b. green colour (màu xanh lá)
c. gloves (găng tay)	d. cat (mèo)
e. garden (vườn)	f. candle (nến)
g. grapes (nho)	h. kangaroo (chuột túi)

2. Put the following words...

(Đặt những từ sau vào đúng thứ tự.)

/g/: grass, give, grapefruit, good, glad, girl
/k/: kitchen, cat, ketchup, kettle, class, kite

3. Read the following conversation...

(Đọc bài hội thoại sau và chú ý đến những từ tô đậm.)

Mai: Could I go and play in the garden, Mum?

Mum: Yes, but it's cold outside, Mai. Put on your warm clothes.

Mai: Yes Mum. Here's my green coat..., but I can't find my gloves.

Mum: Look! They are behind the guitar. And don't forget your keys.

Mai: Thanks Mum, but... where are they?

Mum: In the kitchen, near the kettle. Remember to put them in your pocket.

Mai: I will Mum. Thanks.

Hướng dẫn dịch:

Mai: Con có thể đi và chơi trong vườn không mẹ?

Mẹ: Được, nhưng bên ngoài trời lạnh đấy. Con mặc áo ấm vào.

Mai: Vâng ạ. Đây là áo khoác màu xanh lá của con... nhưng con không thể tìm được găng tay của con ở đâu cả.

Mẹ: Nhìn kia! Chúng phía sau cái đàn ghi ta. Và đừng quên chìa khóa của con.

Mai: Cảm ơn mẹ, nhưng... chúng ở đâu ạ?

Mẹ: Ở trong bếp, gần cái ấm. Nhớ cất chúng vào túi con nhé.

Mai: Con sẽ cất chúng ạ, cảm ơn mẹ.

Giải SBT Anh 7 mới Vocabulary - Grammar trang 18, 19

1. Solve this crossword...

(Giải trò chơi ô chữ sau để tìm ra những người cần giúp đỡ.)

1. poor	2. disabled	3. street
4. elderly	5. homeless	6. Sick

Hướng dẫn dịch:

Hàng ngang

3. Người sống trên đường phố được gọi là người đường phố.

5. Người không có nhà được gọi là người vô gia cư.

Hàng dọc

1. Người không giàu được gọi là người nghèo.

2. Người không có sức khỏe hoặc không có khả năng mà hầu hết mọi người có được gọi là người bị khuyết tật.

4. Người già cũng có thể được gọi là người lớn tuổi.

6. Người không có sức khỏe tốt là người bị bệnh.

2. Match the verbs in A ...

(Nối động từ ở cột A với từ/cụm từ ở cột B.)

a-5	b-8	c-2
d-1	e-3	f-6
g-4	h-7	

Hướng dẫn dịch:

- a. dọn dẹp đường phố)
- b. trồng cây
- c. vẽ một bức họa trên tường
- d. chỉ hướng giao thông
- e. giúp trẻ em làm vài tập về nhà
- f. hiến máu
- g. tái chế rác
- h. thăm người già ở nhà dưỡng lão

3. Answer the questions.

(Trả lời câu hỏi.)

1. Cleaning up the streets, donating money, donating blood...
2. Tutoring young children, donating used books or clothes, helping the children and elderly people cross the road.
3. They want to make a difference, improve the quality of life, and meet new people.

Hướng dẫn dịch:

1. Bạn có thể liệt kê những hoạt động tình nguyện mà người ta làm không? Chúng là gì?
Dọn dẹp đường phố, quyên tiền, hiến máu...
2. Những cách làm tình nguyện mà không phải tốn tiền?

Gia sư cho trẻ em, quyên góp sách cũ và quần áo cũ, giúp trẻ em và người già qua đường.

3. Bạn có thể liệt kê những lý do tại sao người ta làm tình nguyện không? Chúng là gì?

Họ muốn tạo ra sự khác biệt, cải thiện chất lượng cuộc sống và gặp những con người mới.

4. Put the verbs...

(Đặt những động từ trong ngoặc đơn với thì quá khứ đơn hoặc hiện tại hoàn thành.)

1. visited	2. Have visited	3. have bought
4. bought	5. have collected	6. collected
7. has failed	8. went	9. have been

Hướng dẫn dịch:

- Năm vừa rồi tôi đã đến thăm Huế.
- Tôi đã đến Huế bốn lần rồi.
- Họ đã mua một ngôi nhà mới.
- Anh ấy đã mua một chiếc xe hơi cách đây 2 tháng.
- Họ đã thu thập được hàng ngàn đĩa CD.
- Anh ấy đã sưu tầm những con tem khi còn nhỏ.
- Peter đã rớt kỳ thi này lần nữa.
- Hôm qua tôi đã đi đến siêu thị nhưng nó đã đóng cửa.
- Họ đã đến siêu thị đó 3 lần.

5. Complete the dialogue...

(Hoàn thành bài đàm thoại với thì chính xác của động từ (thì tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn).)

(1) Did... watch	(2) have watched	(3) read
(4) have... read	(5) am reading	(6) have finished

Hướng dẫn dịch:

John: Bạn đã xem phim “Kiêu hãnh và định kiến” trên ti vi vào hôm qua chưa?

Mai: Rồi, mình đã xem phim đó tới 3 lần rồi. Mình đã đọc quyển sách đó khi mình đi học và mình rất thích nó. Bạn đã đọc nó chưa?

John: Thật ra mình đang đọc nó. Mình đã đọc xong nửa cuốn rồi.

Mai: Bạn thích nó không?

John: Nói thật, mình thích phim hơn!

6. Finish the sentences.

(Hoàn thành các câu.)

1. met her in the library.
2. ever worked with the disabled?
3. washed the dishes.
4. been to the ocean vessel
5. loves climbing trees

Hướng dẫn dịch:

1. Tuần rồi mình đã gặp cô ấy ở thư viện.
2. Bạn đã từng làm việc với người khuyết tật chưa?
3. Tôi vừa rửa xong chén đĩa.
4. Cô ấy từng lên tàu đại dương vài lần.
5. Patrick thích leo cây khi cậu ấy còn nhỏ.

Giải sách bài tập Anh 7 Speaking trang 20 sách mới**1. Look at the problems...**

(Nhìn vào những vấn đề mà người hoặc cộng đồng đang gặp phải, đưa ra 2 ý kiến về những cách mà người tình nguyện có thể giúp.)

1. We can clean up the lakes. We can plant more trees and flowers beside the lakes.
2. We can cook meals and bring them to these homeless people. We can ask people to donate warm clothes for them.
3. We can organize evening classes for these Street children. We can collect books for them.
4. We can ask people to donate money for them. We can volunteer to help them rebuild their houses.

Hướng dẫn dịch:

1. "Hồ đầy rác. Không ai muốn đi đến đó."

→ Chúng ta có thể dọn dẹp hồ. Chúng ta có thể trồng thêm nhiều cây và hoa quanh hồ.

2. "Chúng tôi lạnh và đói. Chúng tôi phải sống trên đường vào mùa đông này."

→ Chúng ta có thể nấu bữa ăn và mang chúng đến cho những người vô gia cư. Chúng ta có thể kêu gọi mọi người quyên góp quần áo ấm cho họ.

3. "Chúng tôi không biết đọc hoặc viết, nhưng chúng tôi không thể đi đến trường bởi vì chúng tôi phải đi làm suốt ngày."

→ Chúng ta có thể tổ chức những lớp học buổi tối cho những trẻ em đường phố này. Chúng ta có thể sưu tầm những quyển sách cho chúng.

4. "Con bão thật khủng khiếp. Nhà chúng tôi bị phá hủy hết rồi."

→ Chúng ta có thể kêu gọi mọi người quyên góp tiền cho họ. Chúng ta có thể giúp họ xây dựng lại nhà của họ.

2. Look at the Mai's blog...

(Nhìn vào blog của Mai và nói về công việc tình nguyện của cô ấy, sử dụng thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.)

I began working for "Green Summer" in 2011. I have cleaned up streets, planted trees. I started my own project for Street children (teaching English) and still participated in Green Summer. I have tutored small children in the neighbor, donated books for village children and taught English to Street children.

Hướng dẫn dịch:

I began working for "Green Summer" in 2011. I have cleaned up streets, planted trees. I started my own project for Street children (teaching English) and still participated in Green Summer. I have tutored small children in the neighbor, donated books for village children and taught English to Street children.

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 7 Reading trang 21, 22 sách mới**1. Read the following text...**

(Đọc bài văn sau và trả lời những câu hỏi.)

1. Keep Scotland Beautiful is an environment organization. It works to make Scotland cleaner, greener, and more sustainable.
2. "National Spring Clean" is a campaign in April and May. It encourages people to get together to pick up litter.
3. Scotland faces a litter problem. A Scottish national recording programme has claimed it found litter in 80% of the sites it visited.
4. In "National Spring Clean 2011", almost 100,000 volunteers participated in 1538 clean up events throughout Scotland.

Hướng dẫn dịch:

Ở Scotland, trong suốt tháng 4 và tháng 5, có một chiến dịch gọi là Mùa xuân làm sạch toàn quốc. Được thực hiện bởi tổ chức Giữ Scotland xinh đẹp, một tổ chức môi trường hoạt động để làm cho Scotland sạch hơn, xanh hơn và bền vững hơn. Mùa xuân làm sạch toàn quốc: Khuyến khích mọi người cùng nhặt rác. Người lớn và trẻ em có thể tình nguyện dọn dẹp khu phố của họ hoặc khu vực địa phương và giúp nó đẹp và sạch sẽ cho mọi người.

Người ta báo cáo rằng Scotland đang đối diện với vấn đề rác. Một người dân Scotland tham gia chương trình đã phàn nàn rằng rác được tìm thấy ở 80% những khu vực họ đến.

Theo website của chương trình, trong suốt "Mùa xuân làm sạch toàn quốc 2011", gần 100.000 tình nguyện viên đã tham gia ở 1.538 sự kiện trên khắp Scotland.

2. Read the flyer and do the tasks.

(Đọc mẫu tin sau và thực hiện các nhiệm vụ)

Hướng dẫn dịch:

Bắt đầu công việc tình nguyện của bạn trong hôm nay!

Bước 1: Nghĩ về tại sao bạn muốn làm tình nguyện. Đó có phải bởi vì bạn muốn giúp những người khác và cộng đồng? Bạn có muốn gặp những người mới? Bạn có muốn có được kinh nghiệm làm việc? Bạn có muốn tạo ra sự khác biệt cho thế giới không? Bạn có muốn chia sẻ những thứ với những người cần giúp đỡ không?

Bước 2: Xem xét công việc tình nguyện bạn thấy có ý nghĩa và bạn dành bao nhiêu thời gian cho nó. Nghĩ về việc bạn muốn làm gì. Bạn có muốn dạy kèm cho trẻ em một lần một tuần không? Hoặc bạn có muốn làm việc trong một cửa hàng từ thiện? Bạn có muốn tham gia vào một chương trình làm sạch của cộng đồng không?

Bước 3: Tìm một tổ chức hoặc hoạt động trong cộng đồng của bạn. Đăng ký tham gia. Yêu cầu sự giúp đỡ nếu cần. Có được niềm vui khi bạn đạt được nhiều hơn nếu bạn thích điều mà bạn làm.

2a. Find the summary of each step...

(Tìm bản tóm tắt mỗi bước. Có một bước mà bạn không cần.)

1. D	2. C	3. B
------	------	------

2b. Tick T(True) or F(False)

(Viết T (đúng) hoặc F (sai))

1. T	2. T	3. F	4. F
------	------	------	------

Hướng dẫn dịch:

1. Thật quan trọng khi bạn biết tại sao bạn làm tình nguyện.
2. Bạn nên làm những việc có ý nghĩa cho bạn.
3. Bạn không nên yêu cầu sự giúp đỡ khi làm tình nguyện bởi vì bạn là người được mong đợi cho đi sự giúp đỡ.
4. Bạn không nên có niềm vui bởi vì công việc tình nguyện là một công việc nghiêm túc.

3. These are the questions ...

(Đây là những câu hỏi mà bạn có thể xem xét khi bắt đầu công việc tình nguyện. Đặt chúng vào bước thích hợp.)

Bước 1: e, g

Bước 2: b, c, f

Bước 3: a, d

Hướng dẫn dịch:

Bước 1:

e. Bạn có muốn gặp những người mới không? Bạn có muốn học những kỹ năng mới không?

g. Tại sao tôi muốn làm tình nguyện?

Bước 2:

b. Tôi có muốn làm việc với những người lớn tuổi hoặc trẻ em không?

c. Tôi có thể dành ra 4 giờ một tuần cho công việc này không?

f. Tôi thích làm việc trong nhà hay ngoài trời?

Bước 3:

a. Có bất kỳ tổ chức nào trong cộng đồng giúp đỡ người khuyết tật không?

d. Trang web nào có thể cung cấp cho tôi những thông tin hữu ích về tổ chức tình nguyện ở địa phương?

Giải SBT Tiếng Anh 7 mới Writing trang 22, 23**1. Complete the sentences.**

(Hoàn thành các câu.)

1. I can meet new people.

2. it rained heavily.

3. it brings them many opportunities.

4. he was offered a great job there.
5. she really loves working with children.

Hướng dẫn dịch:

1. Tôi thích làm việc tình nguyện bởi vì tôi có thể gặp được những người mới.
2. Cô ấy bị trễ bởi vì mưa lớn.
3. Họ chọn học tiếng Anh bởi vì nó mang đến cho họ nhiều cơ hội.
4. Chú tôi vừa chuyển đến Đà Nẵng bởi vì chú ấy được đề nghị một công việc tuyệt vời ở đó.
5. Tôi nghĩ Nova là một tình nguyện viên tuyệt vời bởi vì cô ấy thật sự thích làm việc với những đứa trẻ.

2. Look at the statements...

(Nhìn vào những phát biểu sau. Em có đồng ý với họ không? Tại sao có? Tại sao không? Viết hai hoặc ba câu để giải thích.)

1. I agree because the volunteer work helps me meet new people.
2. I agree because it helps people happy and live better.
3. I don't agree because the volunteer do it with their willing spirit not for money.

Hướng dẫn dịch:

1. Tôi tin rằng công việc tình nguyện giúp tôi kết bạn mới.
=> Tôi đồng ý bởi vì công việc tình nguyện giúp tôi gặp gỡ những người mới.
2. Tôi tin rằng mọi người nên làm công việc tình nguyện.
=> Tôi đồng ý bởi vì nó giúp người ta hạnh phúc và sống tốt hơn.
3. Tôi nghĩ rằng chính phủ nên trả tiền cho công việc mà những tình nguyện viên làm.
=> Tôi không đồng ý bởi vì những tình nguyện viên làm điều đó vì họ sẵn lòng chứ không phải vì tiền.

3. Think about a problem...

(Nghĩ về một vấn đề mà cộng đồng của bạn đang gặp phải. Viết một đoạn văn ngắn để đưa ra một hoạt động từ thiện giúp giải quyết vấn đề.)

Our neighborhood have a problem. There is too much garbage. I would like to propose a volunteer activity to solve this problem. I will give out the leaflets to every household about keep the Street clean and not letter rubbish. I will also hold the weekly volunteer activity to gather young people in our neighborhood to collect rubbish.

Hướng dẫn dịch:

Khu phố tôi có một vấn đề. Ở đó có quá nhiều rác. Tôi muốn đề nghị một hoạt động tình nguyện để giải quyết vấn đề này. Tôi sẽ phát tờ rơi cho mỗi hộ gia đình về nội dung giữ đường phố sạch sẽ và không vứt rác. Tôi cũng tổ chức một hoạt động tình nguyện hàng tuần để tập hợp những thanh niên trong khu phố đi thu nhặt rác.